

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13. Chi phí phải trả		30/06/2011	01/01/2011	
Chi phí xưởng cơ khí		-	23.551.044	
Chi phí mua vật tư, nguyên liệu		42.955.625	-	
Tiền điện phải trả		274.878.524	161.967.543	
Chi phí gia công vecneer gỗ		1.163.519.439	10.798.865	
Trích trước hoa hồng, khuyến mãi, bù bề Tole		634.344.562	-	
Cộng		2.115.698.150	196.317.452	
14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		30/06/2011	01/01/2011	
Kinh phí công đoàn		471.245.642	330.102.554	
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế		2.087.561	407.030	
Tổng Công ty Xây Dựng Sài Gòn		500.000.000	4.340.000.000	
Công ty CP Phát Triển Sài Gòn		-	268.366.674	
Ban đổi mới Doanh nghiệp		388.800.000	388.800.000	
Thù lao HĐQT			226.301.439	
Cổ tức phải trả			7.679.976.000	
DN tư nhân Nam Vũ		64.880.300	-	
Thuế TNCN của CBCNV		44.633.692		
Thuế nhà thầu		3.577.660		
Phải trả, phải nộp khác		203.570.559	222.119.428	
Cộng		1.678.795.414	13.456.073.125	
15. Vốn chủ sở hữu				
a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu (xem trang 26)				
b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu		Tỷ lệ vốn góp	30/06/2011	01/01/2011
Vốn góp của Nhà nước	20%		16.000.000.000	16.000.000.000
Vốn góp của các Cổ đông khác	80%		64.000.000.000	64.000.000.000
Cổ phiếu quỹ			(190.000)	(190.000)
Cộng			79.999.810.000	79.999.810.000
(*) Số lượng cổ phiếu quỹ			20	20
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		30/06/2011	01/01/2011	
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		79.999.810.000	79.999.810.000	
Vốn góp đầu năm		79.999.810.000	79.999.810.000	
Vốn góp tăng trong năm		-	-	
Vốn góp giảm trong năm		-	-	
Vốn góp cuối năm		79.999.810.000	79.999.810.000	
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		-	-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

d. Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ

Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông

12%

12%

Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi

-

-

Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa ghi nhận

-

-

đ. Cổ phiếu**30/06/2011****01/01/2011**

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành

8.000.000

8.000.000

Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng

8.000.000

8.000.000

Cổ phiếu phổ thông

8.000.000

8.000.000

Cổ phiếu ưu đãi

-

-

Số lượng cổ phiếu được mua lại

20

20

Cổ phiếu phổ thông

20

20

Cổ phiếu ưu đãi

-

-

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

7.999.980

7.999.980

Cổ phiếu phổ thông

7.999.980

7.999.980

Cổ phiếu ưu đãi

-

-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.

10.000

10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp**30/06/2011****01/01/2011**

Quỹ đầu tư phát triển

6.798.219.311

6.798.219.311

Quỹ dự phòng tài chính

2.057.177.162

2.057.177.162

Cộng**8.855.396.473****8.855.396.473**

(*) Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

*Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.**Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp và được sử dụng vào xử lý khi doanh nghiệp gặp rủi ro về kinh doanh hoặc thua lỗ kéo dài.***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐKD****16. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****Từ 01/01/2011
đến 30/06/2011****Từ 01/01/2010
đến 30/06/2010**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

78.050.884.706

69.360.369.589

Doanh thu khác

143.992.800

223.078.850

Cộng**78.194.877.506****69.583.448.439**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
17. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	78.194.877.506	69.583.448.439
Cộng	78.194.877.506	69.583.448.439
18. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn của hàng hóa đã bán	62.172.961.816	55.807.973.825
Giá vốn hàng bán khác	338.998.133	268.194.493
Cộng	62.511.959.949	56.076.168.318
19. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	336.374.528	685.969.032
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	273.527.603	143.235.356
Cộng	609.902.131	829.204.388
20. Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay	1.244.988.650	1.048.303.194
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	889.340.284	576.583.225
Cộng	2.134.328.934	1.624.886.419
21. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	61.782.910	24.467.562
Chi phí vật liệu, bao bì, CCDC	105.793.168	483.336
Chi phí khấu hao TSCĐ		8.301.439
Chi phí bảo hành	1.472.727.588	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	928.869.829	1.083.901.501
Chi phí bằng tiền khác	95.856.882	685.909.777
Cộng	2.665.030.377	1.803.063.615
22. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	1.831.900.218	3.328.661.166
Chi phí vật liệu quản lý	71.601.722	72.810
Chi phí đồ dùng văn phòng	58.489.151	76.539.261
Chi phí khấu hao TSCĐ	173.118.782	64.940.038
Thuế, phí và lệ phí	184.629.315	195.830.396
Chi phí dự phòng		-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	509.907.666	460.121.217
Chi phí bằng tiền khác	1.385.518.880	776.691.310
Cộng	4.215.165.734	4.902.856.198

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
23. Thu nhập khác		
Thu tiền bán hàng mẫu	-	79.803.183
Thu thanh lý tài sản cố định	136.363.636	-
Xử lý thừa theo biên bản kiểm kê	177.685.827	-
Thu nhập khác	4.089.468	612.142
Cộng	318.138.931	80.415.325
24. Chi phí khác		
GTCL của tài sản cố định thanh lý	105.825.000	-
Xử lý thiếu theo biên bản kiểm kê	50.830.237	56.263.565
Chi phí khác	62.944.727	20.903.661
Cộng	219.599.964	77.167.226
25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.376.833.611	6.008.926.376
2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
3. Thu nhập chịu thuế năm hiện hành (1+2)	7.376.833.611	6.008.926.376
4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.844.208.403	1.502.231.594
5. Thuế TNDN được miễn giảm	-	-
6. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	1.844.208.403	1.502.231.594
26. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	99.496.732.114	51.971.976.836
Chi phí nhân công	16.677.513.623	10.916.136.838
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.293.366.751	1.099.855.896
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.438.777.495	3.129.109.869
Chi phí khác bằng tiền	10.098.296.470	2.053.988.862
Cộng	129.004.686.453	69.171.068.301
27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.532.625.208	4.506.694.782
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	5.532.625.208	4.506.694.782
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	7.999.980	7.999.980
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	692	563

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam



VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Tổng Công ty Xây dựng Sài Gòn	Cổ đông đại diện cổ phần Nhà nước	Chi tiền trả cổ tức - Tài khoản phải trả khác	3.840.000.000	500.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Sài Gòn	Công ty liên kết	Mua NVL từ Công ty liên kết - Tài khoản trả trước cho người bán	18.920.484.128	1.822.763.626
		Bán hàng cho Công ty liên kết - Phải thu của khách hàng	620.065.331	858.700.526
		Phải thu khác		112.114.737

2. Ảnh hưởng của Thông tư 201 đến các báo cáo tài chính năm hiện hành

Trong kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011, Công ty áp dụng hướng dẫn về các nghiệp vụ bằng ngoại tệ theo Thông tư 201, hướng dẫn này khác biệt so với các quy định trong VAS 10. Ảnh hưởng như sau:

Bảng cân đối kế toán	Thông tư 201	VAS 10	Chênh lệch
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	618.028.543	-	618.028.543
Báo cáo kết quả kinh doanh			
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	618.028.543	(618.028.543)
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá thuần ghi nhận vào báo cáo KQKD	-	618.028.543	(618.028.543)

TP. HCM, ngày 20 tháng 07 năm 2011

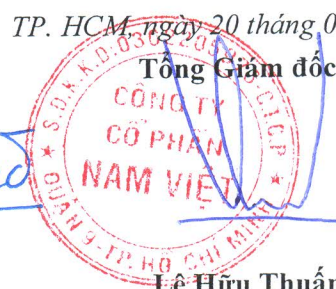
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Thị Mỹ Thạnh

Thái Thanh Thủy



Lê Hữu Thuận